

DANH SÁCH THU TIỀN

Đợt 1 tháng 11/2025 - Lớp: A 2

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Thông tin khác	Bán trú		Tiền ăn bán trú			Sữa học đường			Tổng số tiền của đợt	Tiền thừa được trừ	Số đã thu của đợt	Số còn phải thu	Ghi chú
				SL	Thành tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền					
1	NAN011900871	Nguyễn Thị Bảo An		1	110.000	16		320.000	14		75.600	505.600			505.600	
2	NAN011900872	Phạm Linh Anh		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
3	NAN011900873	Trần Thị Huyền Anh		1	110.000	15		300.000	14		75.600	485.600			485.600	
4	NAN011900874	Phạm Trần Thiên Bảo		1	110.000	16		320.000	16		86.400	516.400			516.400	
5	NAN011900875	Nguyễn Thanh Hằng		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
6	NAN011900876	Trần Thị Minh Hạnh		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
7	NAN011900877	Nguyễn Đình Gia Hưng		1	110.000	15		300.000	14		75.600	485.600			485.600	
8	NAN011900878	Trần Thị Hương		1	110.000	17		340.000	16		54.000	504.000			504.000	
9	NAN011900879	Nguyễn Hữu Minh Khôi		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
10	NAN011900880	Nguyễn Văn Lâm		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
11	NAN011900881	Đậu Khánh Linh		1	110.000	17		340.000	1		5.400	455.400			455.400	
12	NAN011900882	Nguyễn Duy Bảo Nam		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
13	NAN011900883	Trần Quỳnh Nga		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
14	NAN011900884	Nguyễn Thị Kim Ngân		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
15	NAN011900885	Đặng Khánh Ngọc		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
16	NAN011900886	Trần Thị Quỳnh Như		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Thông tin khác	Bán trú		Tiền ăn bán trú			Sữa học đường			Tổng số tiền của đợt	Tiền thừa được trừ	Số đã thu của đợt	Số còn phải thu	Ghi chú
				SL	Thành tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền					
17	NAN011900887	Trần Thị Tú Như		1	110.000	17		340.000	12		64.800	514.800			514.800	
18	NAN011900888	Trần Bảo Như		1	110.000	17		340.000				450.000			450.000	
19	NAN011900889	Nguyễn Kim Oanh		1	110.000	14		280.000				390.000			390.000	
20	NAN011900890	Trần Đình Phi		1	110.000	11		220.000	9		48.600	378.600			378.600	
21	NAN011900891	Trần Danh Phong		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
22	NAN011900892	Nguyễn Duy Phúc		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
23	NAN011900893	Đình Trường Phúc		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
24	NAN011900894	Nguyễn Trúc Quỳnh		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
25	NAN011900895	Cao Ánh Sáng		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
26	NAN011900896	Hồ Chí Tài		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
27	NAN011900897	Nguyễn Anh Thư		1	110.000	8		160.000	8		43.200	313.200			313.200	
28	NAN011900898	Nguyễn Thị Anh Thư		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
29	NAN011900899	Nguyễn Hữu Tuấn		1	110.000	14		280.000				390.000			390.000	
30	NAN011900900	Nguyễn Thị Hải Yến		1	110.000	16		320.000	15		81.000	511.000			511.000	
31	NAN011901199	KSƠ Phan Mẫn Nghi		1	110.000	17		340.000	2		10.800	460.800			460.800	
32	NAN011901206	Nguyễn Văn Tuấn Hải		1	110.000	17		340.000	16		86.400	536.400			536.400	
Tổng cộng				32	3.520.000	506		10.120.000	399		2.122.200	15.762.200			15.762.200	

Bằng chữ:

....., Ngày tháng năm

Ban Giám Hiệu

Người lập biểu